**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN: VẬT LÍ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung****kiến thức** | **Đơn vị kiến thức, kĩ năng** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | **Tổng** | **%****tổng****điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | ***Số CH*** | ***Thời gian*** ***(ph)*** |  |
| ***Số CH*** | ***Thời gian******(ph)*** | ***Số CH*** | ***Thời gian******(ph)*** | ***Số CH*** | ***Thời gian******(ph)*** | ***Số CH*** | ***Thời gian******(ph)*** | ***TN*** | ***TL*** |  |  |
| 1 | Mở đầu | 1.1 Làm quen với Vật lí học | 3 | 2,25 |  |  |  |  |  |  | **3** |  | **2** |  |
|  |  | 1.2. Các quy tắc an toàn trong thực hành Vật lí | 2 | 1,5 |  |  |  |  |  |  | **2** |  |  |  |
|  |  | 1.3. Thực hành tính sai số trong phép đo. Ghi kết quả | 2 | 1,5 | 1 | 1 |  |  |  |  | **3** |  |  |  |
| **2** | Động học | 2.1 Độ dịch chuyển và quãng đường đi được | 2 | **1,5** | 2 | **2** |  |  |  |  | **4** |  |  |  |
| 2.2 Tốc độ và vận tốc | **1** | **1,5** | **2** | **2** | **1** | **4,5** |  |  | **3** | **1** |  |  |
| 2.3 Đồ thị độ dịch chuyển – thời gian | **1** | **0,75** | **1** | **1** | **1** | **4,5** |  |  | **2** | **1** |  |  |
| 2.4 Chuyển động thẳng biến đổi. Gia tốc | **1** | **0,75** | **2** | **2** |  |  |  |  | **3** |  |  |  |
| 2.5 Chuyển động thẳng biến đổi đều | **2** | **1,5** | **2** | **2** |  |  | **1** | **6** | **4** | **1** |  |  |
| 2.6 Thực hành: đo tốc độ của vật chuyển động  | **1** | **0,75** | **1** | **1** |  |  |  |  | **2** |  |  |  |
|  |  | 2.7 Sự rơi tự do | **1** | **0,75** | **1** | **1** |  |  | **1** | **6** | **2** | **1** |  |  |
| **Tổng** |  | **16** | **12** | **12** | **12** | **2** | **9** | **2** | **12** | **28** | **4** | **45** | **100** |
| **Tỉ lệ %** |  | **40** | **30** | **20** | **10** | **70** | **30** |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung%** |  | **70** | **30** | **100** |  | **100** |

**Lưu ý:**

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng;

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận;

- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm; số điểm cho câu hỏi tự luận được quy định rõ trong hướng dẫn chấm;

- Các câu hỏi không trùng đơn vị kiến thức với nhau.

 **BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1**

**MÔN: VẬT LÍ 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức, kĩ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng****cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
|  |  |  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| Mở đầu | 1.1. Làm quen với Vật lý | **Nhận biết:**- Nêu được đối tượng nghiên cứu chủ yếu của vật lí.- Biết được các thành tựu nghiên cứu của vật lí tương ứng với các cuộc cách mạng công nghiệp- Nêu được các quá trình phát triển của vật lí- Nêu được phương pháp nghiên cứu vật lí. | **3** |  |  |  |
| 1.2. Các quy tắc an toàn trong thực hành Vật lí | **Nhận biết:**- Nêu được các nguy cơ mất an toàn trong sử dụng thiết bị thí nghiệm vật lí.- Nêu được các quy tắc an toàn trong phòng thực hành. | **2** |  |  |  |
| 1.3. Thực hành tính sai số trong phép đo. Ghi kết quả | **Nhận biết:****-**Nêu đượcphép đo trực tiếp và phép đo gián tiếp- Bết được các loại sai số của phép đo- Nêu được một số nguyên nhân gây ra sai số khi tiến hành thí nghệm vật lí- Biết được công thức giá trị trung bình, sai số tỉ đổi, sai số tuyệt đối**Thông hiểu:**Cách ghi đúng kết quả phép đo và sai số phép đo**.**- Tính được sai số tuyệt đối và sai số tỉ đối của phép đo. | **2** | **1** |  |  |
| Động học chất điểm | 2.1. Độ dịch chuyển và quãng đường đi | **Nhận biết:**- Nêu được độ dịch chuyển là gì?**-** So sánh được độ dịch chuyển và quãng đường đi được.**Thông hiểu:**- Xác định được độ dịch chuyển và quãng đường đi được | **2** | **2** |  |  |
| 2.2. Tốc độ và vận tốc | **Nhận biết:****-** Biết được ý nghĩa và công thức của tốc độ trung bình.- Biết tốc độ tức thời. - Biết cách đo tốc độ trong cuộc sống và trong phòng thí nghiệm.- Nêu được định nghĩa vận tốc và viết được công thức tính vận tốc- Biết được công thức cộng vận tốc..**Thông hiểu:****-** Tính được tốc độ trung bình.- Phân biệt được tốc độ và vận tốc.- Xác định được vectơ vận tốc.**Vận dụng:**Giải được các bài toán về tổng hợp hai vận tốc cùng phương và hai vận tốc vuông góc với nhau. | **1** | **2** | **1** |  |
| 2.3. Thực hành đo tốc độ của vật chuyển động | **Nhận biết****-** Nêu được ưu điểm và nhược điểm khi sử dụng đồng hồ đo thời gian hiện số và cổng quang điện- Ý nghĩa của việc sử dụng hai cổng quang điện**Thông hiểu:**- Đo được tốc độ bằng dụng cụ thực hành. | **1** | **1** |  |  |
| 2.4. Đồ thị độ dịch chuyển và thời gian | **Nhận biết:** - Mô tả được chuyển động của vật dựa vào đồ thị dịch chuyển – thời gian.**Thông hiểu:*** Tính được tốc độ từ độ dốc của đồ thị độ dịch chuyển – thời gian.

- Xác định được vị trí và vận tốc của vật ở bất kì thời điểm nào dựa vào đồ thị**Vận dụng:*** Vẽ được đồ thị độ dịch chuyển – thời gian trong chuyển động thẳng.

Xác định được quãng đường đi được và độ dịch chuyển của vật | **1** | **1** | **1** |  |
| 2.5. Chuyển động biến đổi. Gia tốc | **Nhận biết:**- Biết được thế nào là chuyển động biến đổi.- Biết được khái niệm gia tốc, công thức tính gia tốc và đơn vị của gia tốc.**Thông hiểu:**- Tính được độ biến thiên vận tốc, gia tốc của chuyển động- Phân biệt được chuyển động nhanh dần và chậm dần dựa vào vận tốc và gia tốc. | **1** | **2** |  |  |
| 2.6.Chuyển động thẳng biến đổi đều | **Nhận biết**- Biết được định nghĩa của chuyển động thẳng biến đổi đều- Biết được định nghĩa chuyển động nhanh dần đều và chuyển động chậm dần đều- Biết được các công thức của chuyển động thẳng biến đổi đều**Thông hiểu**- Sử dụng được các công thức để tính được vận tốc, gia tốc, độ dịch chuyển của vật**- Vận dụng cao**Vận dụng giải các bài toán nâng cao về chuyển động thẳng biến đổi đều | **2** | **2** |  | **1** |
| 2.7. Sự rơi tự do | **Nhận biết:**Nêu được sự rơi tự do là gì và tính chất của chuyển động rơi tự do- Viết được công thức tính vận tốc và quãng đường đi của chuyển động rơi tự do- Nêu được đặc điểm về gia tốc rơi tự do**Thông hiểu:**Xác định được vận tốc và gia tốc và quãng đường đi của chuyển động rơi tự do**Vận dụng cao:** Vận dụng giải các bài toán nâng cao về chuyển động rơi tự do. | **1** | **1** |  | **1** |